

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý, vận hành khai thác đường
giao thông nông thôn và cầu trên các tuyến đường giao thông
nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân số 11/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ; Thông tư số 20/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT;

Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BGTVT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 32/2014/TT-BGTVT ngày 08 tháng 8 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1624/TTr-SGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn và cầu trên các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Giao thông Vận tải chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức thực hiện Quy định này; theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn và định kỳ 06 tháng, hàng năm báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 12 năm 2015.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan ở tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *lu*

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giao thông Vận tải;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Giao thông Vận tải;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- UBND các xã, phường, thị trấn do UBND các huyện, TX, TP sao gửi;
- Báo Đắk Lắk, Đài PT&TH tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Website tỉnh, Công báo tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Các Phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT, CN. (Hg.100)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị

QUY ĐỊNH

Về quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn và cầu trên các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
(Ban hành kèm theo Quyết định số 46/2015/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về phân công, phân cấp và trách nhiệm quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn (bao gồm cả hầm đường bộ, bên phà đường bộ và đường ngầm trên đường giao thông nông thôn, sau đây gọi chung là công trình đặc biệt trên đường giao thông nông thôn) và cầu trên các tuyến đường giao thông nông thôn (sau đây gọi tắt là cầu giao thông nông thôn) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Những nội dung không đề cập tại Quy định này, được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến trách nhiệm quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đường giao thông nông thôn* bao gồm: đường trục xã, đường liên xã, đường trục thôn; đường trong ngõ xóm và các điểm dân cư tương đương; đường trục chính nội đồng.

2. *Cầu trên đường giao thông nông thôn* bao gồm: cầu treo, cầu có kết cấu nhịp dạng dầm, dàn, khung, vòm được xây dựng trên các tuyến đường giao thông nông thôn.

3. *Cơ quan quản lý đường bộ địa phương* là Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

4. *Chủ quản lý sử dụng đường giao thông nông thôn, Chủ quản lý sử dụng cầu giao thông nông thôn* (sau đây gọi chung là Chủ quản lý sử dụng) là tên gọi chung của tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao quản lý, vận hành khai thác và sử dụng đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn do nhà nước đầu tư; Chủ đầu tư đối với đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn không do Nhà nước góp vốn đầu tư; cộng đồng dân cư đối với đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn do cộng đồng đóng góp hoặc các tổ chức, cá nhân đóng góp vốn đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành khai thác và bảo trì.

5. *Đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn, Đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành khai thác cầu giao thông nông thôn* (sau đây gọi chung là *Đơn vị quản lý*) là tổ chức, cá nhân được Chủ quản lý sử dụng giao nhiệm vụ, ký kết hợp đồng thực hiện việc quản lý, vận hành khai thác; bảo dưỡng thường xuyên đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn.

Điều 4. Yêu cầu đối với công tác quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn

1. Việc quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn phải bảo đảm an toàn giao thông, an toàn cho công trình đường bộ, an toàn cho người, tài sản và công trình khác trong phạm vi hành lang an toàn đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn, phòng, chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

2. Đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn khi đưa vào vận hành khai thác phải bảo đảm chất lượng theo quy định.

3. Nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân thực hiện các hành vi sau:

a) Tự ý tháo, lắp hoặc có hành vi phá hoại các bộ phận, hạng mục của công trình đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn; viết, vẽ các nội dung không phù hợp hoặc xóa biển báo hiệu, phá hủy, che khuất biển báo hiệu;

b) Lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn;

c) Sử dụng các bộ phận, hạng mục thuộc công trình đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn trái quy định;

d) Lắp đặt trái phép đường ống cấp nước, thoát nước, dây tải điện, cáp quang, cáp viễn thông và các công trình khác vào các bộ phận, hạng mục thuộc công trình đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn hoặc trong phạm vi hành lang an toàn đường giao thông nông thôn;

đ) Vi phạm các hướng dẫn, quy định về việc tham gia giao thông trên đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn;

e) Vi phạm các quy định của Luật Giao thông đường bộ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Phân công, phân cấp quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn

1. Đối với đường thuộc sở hữu Nhà nước:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Chủ quản lý sử dụng đối với các công trình sau:

- Đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn do Nhà nước đầu tư, hỗ trợ vốn đầu tư hoặc nhận bàn giao do cộng đồng dân cư, các tổ chức, cá nhân đầu tư thuộc hệ thống đường do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.

- Cầu trên đường giao thông nông thôn do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý có quy mô gồm: Cầu treo có khẩu độ từ 70m trở lên, cầu dàn thép, cầu dầm có khẩu độ nhịp từ 50m trở lên.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã làm Chủ quản lý sử dụng đối với đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn do Nhà nước đầu tư, hỗ trợ vốn đầu tư hoặc nhận bàn giao do cộng đồng dân cư, các tổ chức, cá nhân đầu tư thuộc hệ thống đường do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trừ các công trình quy định tại Điểm a Khoản này.

2. Đối với đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn do cộng đồng dân cư đóng góp hoặc các tổ chức, cá nhân đóng góp vốn đầu tư xây dựng, Chủ đầu tư là Chủ quản lý sử dụng.

Trường hợp cộng đồng dân cư, cá nhân sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn nhưng không đủ khả năng làm Chủ quản lý sử dụng thì cơ quan được phân cấp tại Khoản 1 Điều này thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ quản lý sử dụng.

3. Trường hợp đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn được xây dựng bằng nhiều nguồn vốn thì các bên góp vốn thống nhất lựa chọn Chủ quản lý sử dụng.

Điều 6. Trách nhiệm quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện công tác quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn theo phân cấp tại Điểm a Khoản 1 Điều 5.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai thực hiện quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn do mình quản lý theo phân cấp tại Điểm b Khoản 1 Điều 5.

3. Đối với đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn do cộng đồng dân cư đóng góp hoặc các tổ chức, cá nhân đóng góp vốn đầu tư xây dựng, Chủ quản lý sử dụng tổ chức triển khai thực hiện quản lý, vận hành khai thác, tổ

chức giao thông theo phân cấp tại Khoản 2 Điều 5.

Điều 7. Lập, thẩm định, phê duyệt Quy trình quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn

1. Các công trình đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn thuộc các trường hợp sau phải lập, ban hành Quy trình quản lý, vận hành khai thác:

- a) Công trình đặc biệt trên đường giao thông nông thôn;
- b) Cầu treo có khẩu độ nhịp từ 70m trở lên; cầu dầm thép, cầu dầm có khẩu độ nhịp từ 50m trở lên;
- c) Các trường hợp khác do người quyết định đầu tư, Chủ đầu tư, Chủ quản lý sử dụng quyết định.

2. Lập quy trình quản lý, vận hành khai thác.

a) Đối với công trình xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp:

- Chủ đầu tư có trách nhiệm chỉ đạo tư vấn thiết kế kỹ thuật (đối với công trình thiết kế ba bước), tư vấn thiết kế bản vẽ thi công (đối với công trình có thiết kế một bước hoặc hai bước) lập Quy trình quản lý, vận hành khai thác. Trường hợp tư vấn thiết kế không đủ năng lực lập quy trình thì Chủ đầu tư có trách nhiệm thuê tổ chức tư vấn khác có đủ năng lực, kinh nghiệm để lập Quy trình quản lý, vận hành khai thác.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm yêu cầu các nhà thầu cung cấp đầy đủ Quy trình quản lý, vận hành khai thác thiết bị do nhà cung cấp thiết bị bàn giao (nếu có).

b) Đối với công trình đang khai thác, sử dụng:

Chủ quản lý sử dụng chịu trách nhiệm tổ chức lập hoặc thuê tư vấn đủ năng lực kinh nghiệm để lập Quy trình quản lý, vận hành khai thác. Trong trường hợp cần thiết, có thể tổ chức kiểm định chất lượng công trình làm cơ sở lập Quy trình quản lý, vận hành khai thác.

3. Thẩm định và phê duyệt quy trình quản lý, vận hành khai thác.

a) Chủ đầu tư (đối với công trình xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp), Chủ quản lý sử dụng (đối với công trình đang khai thác, sử dụng) có trách nhiệm thẩm định, phê duyệt Quy trình quản lý, vận hành khai thác.

Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư, Chủ quản lý sử dụng thuê tư vấn thẩm tra Quy trình quản lý, vận hành khai thác trước khi phê duyệt. Tư vấn thẩm tra phải chịu trách nhiệm về chất lượng và nội dung quy trình do mình thẩm tra.

b) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, cộng đồng dân cư, cá nhân là Chủ đầu tư, Chủ quản lý sử dụng trước khi phê duyệt Quy trình quản lý, vận hành khai thác phải lấy ý kiến của Sở Giao thông vận tải.

Thành phần hồ sơ, thời gian thực hiện như sau:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị cho ý kiến đối với Quy trình quản lý, vận hành khai thác công trình: 01 bản chính;

+ Quy trình quản lý, vận hành khai thác công trình: 01 bản.

+ Hồ sơ thiết kế kỹ thuật (đối với công trình thiết kế ba bước), hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (đối với công trình có thiết kế một bước hoặc hai bước): 01 bộ.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ, Sở Giao thông vận tải sẽ có ý kiến bằng văn bản gửi Chủ đầu tư, Chủ quản lý sử dụng công trình.

4. Trong quá trình thực hiện quản lý, vận hành khai thác, khi thấy cần thiết, Chủ quản lý sử dụng tổ chức điều chỉnh, bổ sung quy trình và trình duyệt theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của Chủ quản lý sử dụng

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan Nhà nước cấp trên (nếu có) về việc quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn theo quy định của pháp luật.

2. Chủ quản lý sử dụng đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn có thể ủy quyền, giao nhiệm vụ, ký kết hợp đồng với Đơn vị quản lý để thực hiện một phần hoặc toàn bộ công việc quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn. Trong trường hợp này, Chủ quản lý sử dụng đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn vẫn phải chịu trách nhiệm về mọi sự cố hay xuống cấp của công trình trong thời gian vận hành khai thác.

Điều 9. Trách nhiệm của đơn vị quản lý

Đơn vị quản lý đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn chịu trách nhiệm theo ủy quyền, văn bản giao nhiệm vụ, hợp đồng ký kết với Chủ quản lý sử dụng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn đúng với nội dung được giao và quy định tại Thông tư số 12/2014/TT-BGTVT và Thông tư số 32/2014/TT-BGTVT.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, Chủ quản lý sử dụng theo thẩm quyền trong việc thực hiện các quy định về quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn.

2. Trả lời bằng văn bản về ý kiến của Sở Giao thông vận tải đối với Quy trình quản lý, vận hành khai thác khi Chủ đầu tư, Chủ quản lý sử dụng đề nghị.

3. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan kiểm tra cầu và công trình đặc biệt trên đường giao thông nông thôn bị hư hỏng, xuống cấp, không đủ điều kiện khai thác an toàn theo báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện, kịp thời tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý.

4. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các sở, ngành liên quan để tuyên truyền, phổ biến, giáo dục và thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, bảo trì đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn.

5. Hàng năm, thống kê, tổng hợp theo phân loại và chiều dài đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn trên địa bàn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Giao thông vận tải; tổng hợp tình hình quản lý, vận hành khai thác toàn bộ hệ thống đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn trên địa bàn, danh sách các công trình bị hư hỏng, xuống cấp không đủ điều kiện khai thác an toàn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc cân đối kế hoạch ngân sách, thanh quyết toán nguồn kinh phí quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định hiện hành.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh mức hỗ trợ kinh phí cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện quản lý, vận hành khai thác cầu và công trình đặc biệt trên đường giao thông nông thôn.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ kinh phí để xử lý các công trình đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn bị hư hỏng xuống cấp, bảo đảm cho việc quản lý, vận hành khai thác an toàn.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác quản lý quy hoạch các dự án thuộc thẩm quyền quản lý liên quan đến hệ thống đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các thủ tục về giao đất, cho thuê đất dọc hành lang an toàn đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc cấp phép khai thác tài nguyên khoáng sản liên quan đến an toàn trong quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn.

Điều 14. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức thực hiện quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 5 quy định này.

2. Phê duyệt Quy trình quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn theo phân công, phân cấp.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã, Cộng đồng dân cư và các cơ quan trực thuộc trong việc thực hiện các trách nhiệm đối với việc

quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn theo quy định này.

4. Tổng hợp tình hình quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn, danh sách các công trình trên địa bàn bị hư hỏng, xuống cấp không đủ điều kiện khai thác an toàn gửi Sở Giao thông vận tải tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý.

5. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các sở, ngành liên quan để kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn trên địa bàn. Quản lý sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật. Phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp lấn chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ.

6. Hàng năm xây dựng kế hoạch vốn và cân đối ngân sách cho quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn theo phân công, phân cấp.

Điều 15. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức thực hiện quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 5 Quy định này.

2. Phê duyệt Quy trình quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn theo phân công, phân cấp, đúng quy định.

3. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Cộng đồng dân cư trong việc thực hiện trách nhiệm đối với việc quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn thuộc quyền sở hữu của cộng đồng dân cư.

4. Tổng hợp tình hình quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn, danh sách các công trình trên địa bàn bị hư hỏng, xuống cấp không đủ điều kiện khai thác an toàn báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, các sở, ngành liên quan để tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy định về quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn.

6. Hàng năm xây dựng kế hoạch vốn và cân đối ngân sách cho quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn theo phân công, phân cấp.

Điều 16. Trách nhiệm của cộng đồng dân cư sở hữu đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn

1. Tổ chức thực hiện quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn do cộng đồng làm chủ quản lý sử dụng.

2. Thực hiện theo hướng dẫn, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân các cấp và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền các cấp về quản lý, vận hành khai thác

đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình; báo cáo khó khăn, vướng mắc trong việc quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Phát hiện, ngăn chặn các tổ chức cá nhân phá hoại công trình đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn, xâm phạm hành lang an toàn đường giao thông nông thôn, cầu giao thông nông thôn và các hành vi vi phạm khác.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung theo quy định ./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Nghị